



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 57

Ngày 15 tháng 10 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-9-2014 - Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp. 4

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 17-9-2014 - Chỉ thị số 26/2014/CT-UBND về việc tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 7

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 11-9-2014 - Nghị quyết số 10/NQ-HĐND về thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh. 16

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-9-2014 - Quyết định số 4595/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020. 18
- 15-9-2014 - Quyết định số 4613/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 30
- 16-9-2014 - Quyết định số 4637/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. 37
- 17-9-2014 - Quyết định số 4661/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014 ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014. 46
- 24-9-2014 - Quyết định số 4743/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. 57

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

- 08-9-2014 - Quyết định số 967/QĐ-UBND về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực. 66

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

- 18-9-2014 - Quyết định số 134/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. 71

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN

- 18-9-2014 - Quyết định số 11862/QĐ-UBND bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật. 73

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2014/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2014***NGHỊ QUYẾT**

**Về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách
Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn,
phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân
dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)
(Ngày 11 tháng 9 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 4305/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phường, xã, thị trấn và phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân; Báo cáo thẩm tra số 488/BC-HĐND ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 4305/TTr-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị chế độ hỗ trợ đối với cán bộ không chuyên trách Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể phường, xã, thị trấn, phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ hàng tháng đối với cấp phó thứ hai của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường, xã, thị trấn (không được hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách và không kiêm nhiệm các chức danh khác) bằng **0,5** so với mức lương cơ sở.

2. Bồi dưỡng trách nhiệm đối với 07 chức danh cán bộ không chuyên trách của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường, xã, thị trấn, gồm: Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ Nữ, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ, Chủ tịch Hội Người cao tuổi bằng mức **0,1** so với mức lương cơ sở.

3. Điều chỉnh mức phụ cấp đối với cán bộ khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp:

3.1. Đối với cán bộ không chuyên trách ở khu phố - ấp:

+ Khoản quỹ phụ cấp hàng tháng đối với khu phố - ấp bằng **5,0** mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% mức đóng bảo hiểm y tế).

+ Khoản hỗ trợ kinh phí hoạt động hàng tháng đối với khu phố - ấp theo số tuyệt đối là 1.500.000 đồng/tháng.

3.2. Đối với cán bộ ở tổ dân phố - tổ nhân dân: Điều chỉnh mức phụ cấp hàng tháng đối với cán bộ tổ dân phố - tổ nhân dân từ 350.000 đồng lên hệ số **0,5** mức lương cơ sở (bao gồm cả 3% mức đóng bảo hiểm y tế).

- Mức chi hỗ trợ thêm 500.000 đồng/tháng đối với ấp, hỗ trợ thêm 150.000

đồng/tháng đối với tổ nhân dân tại các xã xây dựng nông thôn mới vẫn được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nguồn kinh phí thực hiện: Phần kinh phí tăng thêm trong Quý IV năm 2014 được cân đối chi từ nguồn dự phòng ngân sách thành phố năm 2014.

Thời gian áp dụng: Từ ngày 01 tháng 10 năm 2014.

Điều 2. Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể để triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2014./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2014/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2014***CHỈ THỊ****Về việc tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới; Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn” giai đoạn 2011 đến 2015 tại Công văn số 1325/TTg-KGVX ngày 04 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ.

Hiện nay, bộ máy tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Thành phố đang được kiện toàn, thực hiện phân công, phân cấp và phối hợp giữa các cơ quan bước đầu phát huy hiệu quả; thường xuyên triển khai công tác lấy mẫu giám sát, thanh tra, kiểm tra, tịch thu, tiêu hủy nhiều sản phẩm thực phẩm không đảm bảo an toàn nhằm ngăn chặn các sản phẩm không an toàn đến người tiêu dùng; xây dựng các mô hình quản lý an toàn thực phẩm phù hợp với thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh; nhận thức về an toàn thực phẩm của nhà quản lý, người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng đã có nhiều chuyển biến trong việc đảm bảo an toàn thực phẩm; số vụ ngộ độc thực phẩm giảm, trung bình hàng năm giảm 28%.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại như: một số nguồn nông sản, thực phẩm nhập vào Thành phố tiêu thụ chưa kiểm soát được nguồn gốc; việc kinh doanh và sử dụng phụ gia ngoài danh mục cho phép, hoặc trong danh mục nhưng vượt quá hàm lượng cho phép vẫn còn xảy ra; nhiều cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm nhỏ

lẻ chưa đảm bảo điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh; việc kiểm soát, xử lý thức ăn đường phố còn nhiều khó khăn; ngộ độc thực phẩm tuy có giảm nhưng vẫn còn xảy ra; ý thức, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng, nhà quản lý tuy có tiến bộ nhưng vẫn còn hạn chế.

Nguyên nhân của tình trạng trên là:

Nhận thức và ý thức trách nhiệm của người sản xuất - chế biến - kinh doanh chưa cao, chưa tuân thủ các quy định của pháp luật, nhiều cơ sở chỉ vì lợi nhuận nên sử dụng các chất phụ gia ngoài danh mục cho phép, không quan tâm đến sức khỏe người tiêu dùng.

Tổ chức hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm còn chưa hoàn thiện, tuyến quận, huyện thiếu nhân sự, tuyến phường, xã, thị trấn chưa có cán bộ chuyên trách. Một số nơi cán bộ còn yếu về chuyên môn do công tác đào tạo chưa kịp thời.

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực thi Luật An toàn thực phẩm chưa đầy đủ, còn chồng chéo; việc triển khai các giải pháp quản lý chưa quyết liệt và đồng bộ.

Thực phẩm không an toàn vẫn còn lưu thông vào Thành phố với nhiều hình thức khó kiểm soát.

Để khắc phục các tồn tại nêu trên, nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố; Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Y tế

a) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện các quy hoạch tổng thể về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố.

b) Đầu mối hoạt động truyền thông, đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục phổ biến các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm cho người quản lý, người sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng thực phẩm trên các phương tiện truyền thông.

c) Kiện toàn Ban chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh an toàn thực phẩm, xây dựng quy chế phối hợp liên ngành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

d) Xây dựng kế hoạch chi tiết trình Ủy ban nhân dân Thành phố về bộ máy nhân

sự theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (về an toàn thực phẩm).

đ) Chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan thanh tra, kiểm tra việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm các ngành khác; truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đối với nông sản, thực phẩm không đảm bảo an toàn theo quy định của pháp luật.

e) Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; đầu mối triển khai Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn” tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 đến 2015.

g) Chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp trong việc triển khai hệ thống tự kiểm tra tại các bếp ăn tập thể.

h) Tăng cường công tác lấy mẫu giám sát để có những thông tin cảnh báo, chấn chỉnh kịp thời về an toàn thực phẩm.

i) Thiết lập và vận hành hệ thống giám sát, cảnh báo, phòng ngừa, khắc phục ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm theo quy định.

k) Đề xuất ban hành các chính sách hỗ trợ, cơ chế quản lý cho các cơ sở sản xuất - chế biến - kinh doanh thực phẩm, đặc biệt chú trọng đến thức ăn đường phố; xây dựng tiêu chí về an toàn thực phẩm trong việc công nhận khu phố văn hóa, xã nông thôn mới, gia đình văn hóa; tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về việc bố trí ngân sách, nhân lực và trang thiết bị để đáp ứng yêu cầu kiểm soát an toàn thực phẩm trên địa bàn.

l) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các bếp ăn tập thể, các cơ sở thực hiện hệ thống quản lý chất lượng; các cơ sở đầu tư cung cấp suất ăn tại các khu chế xuất, khu công nghiệp; phấn đấu đến hết năm 2015 mỗi khu chế xuất, khu công nghiệp phải có 01 (một) cơ sở cung cấp suất ăn đạt chuẩn tại chỗ.

m) Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức vận động 100% cơ sở có bếp ăn tập thể trên địa bàn quản lý cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai hoạt động truyền thông thuộc lĩnh vực liên ngành và đẩy mạnh hoạt động truyền thông chuyên ngành trong lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Xây dựng kế hoạch chi tiết trình Ủy ban nhân dân Thành phố về bộ máy nhân sự theo phân cấp; tổ chức huấn luyện, đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan chức năng theo đúng quy định pháp luật.

c) Quản lý chặt chẽ về điều kiện sản xuất, nuôi trồng, khai thác nông lâm thủy sản. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tiếp tục triển khai Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

d) Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các Tỉnh trong việc quản lý và kiểm soát nguồn gốc nông sản thực phẩm đưa về Thành phố.

đ) Đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ký kết với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong việc chỉ đạo phối hợp quản lý, kiểm soát các nguồn nông sản, thực phẩm cung ứng cho Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Có giải pháp kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất bảo quản, tồn dư kháng sinh, thuốc kích thích tăng trưởng trong nuôi trồng. Chỉ đạo Chi cục Thú y Thành phố làm đầu mối phối hợp với các đơn vị Chi cục Quản lý thị trường, Công an Thành phố, Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố tăng cường kiểm soát việc vận chuyển, giết mổ và kinh doanh sản phẩm động vật.

g) Thường xuyên giám sát, kiểm tra tồn dư hóa chất độc hại đối với nông sản thực phẩm trong các khâu sơ chế, chế biến, bảo quản và kinh doanh nông sản thực phẩm trái cây tại các chợ đầu mối; kiểm soát chặt chẽ về điều kiện vệ sinh thú y, thủy sản đối với hoạt động giết mổ, vận chuyển, kinh doanh sản phẩm động vật và thủy hải sản trên thị trường xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

h) Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, kinh doanh sản phẩm nông lâm, thủy hải sản theo phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổ chức phối hợp liên ngành kiểm soát chặt chẽ các nguồn nông sản thực phẩm vào Thành phố.

i) Kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các quận, huyện trên địa bàn Thành phố theo phân cấp.

k) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; phối hợp triển khai Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn” tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 đến 2015.

3. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai hoạt động truyền thông thuộc lĩnh vực liên ngành và đẩy mạnh hoạt động truyền thông chuyên ngành trong lĩnh vực được phân công quản lý.

b) Đẩy nhanh việc thực hiện Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy hoạch định hướng phát triển hệ thống chợ - siêu thị - trung tâm thương mại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2015.

c) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng thương hiệu tại 03 chợ đầu mối.

d) Ban hành và chỉ đạo ban quản lý chợ tăng cường kiểm tra, kiểm soát, giám sát tiêu thương thực hiện đúng nội quy, quy chế hoạt động của chợ; phối hợp các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm việc kinh doanh, mua bán thực phẩm, bao bì nhãn hàng hóa không đúng quy định.

đ) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tập trung quản lý an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị và các cơ sở thuộc hệ thống dự trữ, phân phối hàng hóa thực phẩm.

e) Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát nông sản, thực phẩm lưu thông trên thị trường nhằm kịp thời phát hiện, có biện pháp ngăn ngừa và khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm; truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thu hồi và xử lý nghiêm đối với kinh doanh thực phẩm không bảo đảm an toàn, thực phẩm giả, không rõ nguồn gốc, xuất xứ.

g) Phối hợp các Sở, ngành chức năng xây dựng đề án quản lý hóa chất, phụ gia để quản lý việc kinh doanh và sử dụng hóa chất, phụ gia theo quy định.

h) Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn 2030; tiếp tục phối hợp triển khai Đề án xây dựng mô hình thí điểm quản lý thực phẩm theo “Chuỗi thực phẩm an toàn” tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 đến 2015.

4. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp

a) Xây dựng hệ thống tự kiểm tra, nâng cao hiệu quả kiểm tra an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể.

b) Phối hợp Sở Y tế vận động 100% cơ sở có bếp ăn tập thể trong Khu chế xuất và khu công nghiệp ký cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

c) Quy hoạch tất cả các khu chế xuất và khu công nghiệp đều có đất dịch vụ đảm bảo địa điểm bố trí cơ sở cung cấp suất ăn sẵn đạt chuẩn, các doanh nghiệp có quy mô trên 1.000 suất ăn thì vận động thành lập bếp ăn tập thể tại chỗ.

d) Vận động các doanh nghiệp nâng cao chất lượng suất ăn, tổ chức bếp ăn tập thể nhằm đảm bảo suất ăn được an toàn cho người lao động.

đ) Phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về an toàn thực phẩm theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tổ chức, tham gia xây dựng và ban hành, hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm trên địa bàn; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra về nhãn hàng hóa, chất lượng sản phẩm hàng hóa lưu thông trên địa bàn.

b) Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến an toàn thực phẩm và các hoạt động đào tạo nâng cao năng lực quản lý thuộc lĩnh vực được phân công.

c) Quản lý chặt chẽ tiêu chuẩn đo lường, chất lượng tại các cơ sở thực phẩm.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra đo lường đối với hàng đóng gói sẵn theo quy định.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp với Sở Y tế tổ chức thực hiện hệ thống tự kiểm tra bếp ăn tập thể tại trường học. Chỉ đạo các trường học không được bán các sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm và không rõ nguồn gốc xuất xứ.

b) Không để các cơ sở cung ứng dịch vụ ăn uống chưa có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cung cấp suất ăn cho các trường học.

c) Phối hợp với Sở Y tế đưa các nội dung truyền thông vào sinh hoạt Hội phụ huynh học sinh và trong sinh hoạt lớp.

7. Sở Nội vụ

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm, Sở Nội vụ thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt biên chế phù hợp để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì cùng các Sở, ngành liên quan tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp trụ sở; bổ sung trang thiết bị cho các đơn vị thực hiện công tác quản lý về an toàn thực phẩm.

9. Sở Tài chính

Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ban, ngành trình Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán hàng năm cho các cơ quan đơn vị triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về an toàn vệ sinh thực phẩm và Đề án chuỗi an toàn thực phẩm.

10. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ động phối hợp Liên đoàn Lao động Thành phố chỉ đạo các tổ chức công đoàn trực thuộc trong phối hợp công tác giám sát việc thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm; tuyên truyền, giáo dục nâng cao kiến thức về an toàn thực phẩm cho người lao động.

11. Liên đoàn Lao động Thành phố

a) Phối hợp với các Công đoàn cơ sở thường xuyên kiểm tra, khảo sát chất lượng bữa ăn của người lao động để vận động doanh nghiệp tăng giá suất ăn phù hợp nhằm nâng cao chất lượng bữa ăn của người lao động trong các doanh nghiệp.

b) Phối hợp Sở Y tế xây dựng đề án khảo sát tình hình dinh dưỡng của các suất ăn phục vụ công nhân tại các bếp ăn tập thể thuộc khu chế xuất, khu công nghiệp.

12. Sở Thông tin và Truyền thông

Có kế hoạch chỉ đạo cho các cơ quan truyền thông tuyên truyền, vận động toàn dân thực hiện các quy định về an toàn thực phẩm với các hình thức phong phú, đa dạng; biểu dương các cơ sở thực hiện tốt an toàn thực phẩm và công khai các cơ sở sản xuất những sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định để người dân biết.

13. Đài Truyền hình, Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố

Thường xuyên thực hiện các phóng sự về an toàn thực phẩm và dành thời lượng phát sóng thích hợp nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm một cách sâu rộng.

14. Công an Thành phố

Chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra về lĩnh vực ô nhiễm môi trường trong sản xuất, kinh doanh; biện pháp xử lý chất thải, nước thải. Hỗ trợ cho các cơ quan chuyên ngành theo yêu cầu trong công tác thanh, kiểm tra về an toàn thực phẩm. Tiếp nhận, điều tra và xử lý các vụ việc vi phạm của các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm gây nguy hại cho sức khỏe người tiêu dùng có dấu hiệu về tội phạm môi trường theo quy định của pháp luật.

15. Cục Hải quan Thành phố

a) Kiểm tra, kiểm soát các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu, chỉ được thông quan khi có giấy chứng nhận kiểm tra lô hàng đảm bảo an toàn thực phẩm của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Cung cấp kịp thời thông tin các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu khi có yêu cầu của cơ quan quản lý an toàn thực phẩm.

16. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

a) Triển khai công tác truyền thông trên nhiều kênh truyền thông đến người dân, các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn biết và thực hiện theo pháp luật.

b) Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành liên quan trong việc triển khai các hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý. Chỉ đạo và giao Ban quản lý Chợ kiểm tra, giám sát không để hộ kinh doanh bán thực phẩm không đảm bảo an toàn trong chợ. Huy động hệ thống chính trị trong việc quản lý an toàn thực phẩm để nâng cao hiệu quả quản lý.

c) Xây dựng kế hoạch chấn chỉnh và biện pháp giải tỏa dứt điểm các chợ tự phát, lấn chiếm lòng lề đường và khu vực xung quanh chợ. Đến cuối năm 2015, kiên quyết giải tỏa các chợ tự phát đang tồn tại trên địa bàn quản lý, đồng thời, phải thực hiện việc giải tán ngay các điểm họp chợ lấn chiếm lòng lề đường phát sinh mới.

d) Chỉ đạo, phối hợp quản lý chặt chẽ việc chăn nuôi, giết mổ và kinh doanh gia cầm trên địa bàn quản lý. Tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản đã theo phân cấp.

đ) Phát triển hệ thống tự kiểm tra tại các cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, bếp ăn tập thể, trường học trong phạm vi quản lý; tổ chức vận động 100% các cơ sở có bếp ăn tập thể trên địa bàn quản lý ký cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm.

e) Phối hợp với Sở Y tế trong công tác quản lý thức ăn đường phố: trong năm 2014, mỗi quận, huyện xây dựng các phường, xã điểm về an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố và xây dựng từ 1 đến 2 tuyến đường không có thức ăn đường phố, sau đó nhân rộng các năm tiếp theo để đảm bảo an toàn thực phẩm, mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông. Tập huấn và cấp giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm miễn phí; có chế độ miễn, giảm chi phí khám sức khỏe cho đối tượng kinh doanh thức ăn đường phố. Huy động các tổ chức chính trị - xã hội trong việc triển khai công tác quản lý thức ăn đường phố trên địa bàn.

g) Bố trí kinh phí trong việc thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

h) Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh an toàn thực phẩm các cấp nếu có thay đổi về nhân sự; ban hành quy chế phối hợp trong việc quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Thành phố phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm cho các thành viên, đoàn viên, hội viên tích cực hưởng ứng và tăng cường các hoạt động giám sát thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn thành phố. Vận động người dân tích cực tố giác các hành vi vi phạm pháp luật của các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm.

Ủy ban nhân dân Thành phố yêu cầu các Thủ trưởng Sở, ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nghiêm túc triển khai thực hiện Chỉ thị này.

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thanh Liêm

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 9 năm 2014***NGHỊ QUYẾT****Về thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 15 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)
(Ngày 11 tháng 9 năm 2014)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 5084/VPCP-TCCV ngày 08 tháng 7 năm 2014 về việc thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 4136/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tách chức năng quản lý Nhà nước về du lịch từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh; Tờ trình số 4585/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hóa, Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 490/BC-HĐND ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Tờ trình số 4136/TTr-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tách chức năng quản lý nhà nước từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố và Tờ trình số 4585/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đổi tên Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành Sở Văn hóa, Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh;

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 15 (kỳ họp bất thường) thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2014./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thị Quyết Tâm**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4595/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý
và giáo viên mầm non Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2014 - 2015 và định hướng đến năm 2020****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 26/2012/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 6639/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Giáo dục giai đoạn 2011-2020;

Căn cứ Kế hoạch số 3970/KHLN-BLĐT BXH-BGDĐT ngày 15 tháng 10 năm 2013 về thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2013 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố về hỗ trợ giáo dục mầm non Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2195/TTr-GDĐT-VP ngày 03 tháng 7 năm 2014 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 4142/STP-VB ngày 04 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non giai đoạn 2014-2015 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non
giai đoạn 2014 - 2015 và định hướng đến năm 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4595/QĐ-UBND

ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non năm học 2014 - 2015 và định hướng đến năm 2020, cụ thể như sau:

I. THỰC TRẠNG VỀ SỐ LƯỢNG, TRÌNH ĐỘ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN MẦM NON

Hiện nay toàn thành phố có số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên ngành học như sau:

1. Số lượng:

Tổng số 20.669 người, trong đó:

Cán bộ quản lý: 2.125 người (công lập: 1.179, ngoài công lập: 946).

Giáo viên: 18.544 người (công lập: 9.076, ngoài công lập: 9.468).

Sự phát triển về mặt số lượng đối với bậc học mầm non trong thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển về số lượng trường lớp, nhất là ở khu vực ngoại thành.

2. Chất lượng:

Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên bậc mầm non thể hiện như sau:

Cán bộ quản lý				Giáo viên			
Đạt chuẩn		Trên chuẩn		Đạt chuẩn		Trên chuẩn	
Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ	Tổng số	Tỷ lệ
277	13,03	1.848	86,97	5.323	28,70	13.221	71,30

Trình độ chuyên môn của cán bộ quản lý bậc học mầm non đã từng bước được nâng cao, trình độ đại học tăng nhiều. Tuy nhiên trình độ thạc sĩ còn thấp (chỉ chiếm 1,5%) so với yêu cầu đối với đội ngũ cán bộ quản lý. Năng lực giảng dạy của giáo viên có chuyên biến nhưng so với yêu cầu đổi mới hình thức tổ chức giáo dục mầm non để nâng cao chất lượng ngành học thì còn một bộ phận giáo viên chưa đáp ứng kịp.

Hiện tại, thành phố đang thiếu khoảng 2.000 giáo viên mầm non. Mỗi năm, cần thêm 2.000 giáo viên mầm non để đáp ứng yêu cầu nuôi dạy, chăm sóc trẻ của toàn thành phố. Trong thời gian tới, cụ thể là trong năm học 2014 - 2015, dự báo nhu cầu về sử dụng giáo viên mầm non (công lập và ngoài công lập) là 22.956 người. Số lượng giáo viên (công lập và ngoài công lập) hiện có là 18.544 người. Như vậy, số giáo viên cần bổ sung cho năm học 2014 - 2015 là 4.000 người.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tăng cường công tác bồi dưỡng, cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý tại các trường mầm non công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Yêu cầu

Công tác bồi dưỡng gắn với nhiệm vụ nâng cao năng lực kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về công tác chăm sóc trẻ ở các trường mầm non (công lập và ngoài công lập) tại địa phương.

Đảm bảo tất cả cán bộ quản lý phụ trách bậc học mầm non các Phòng Giáo dục và Đào tạo; giáo viên (phụ trách mầm non) các Trường Bồi dưỡng Giáo dục quận, huyện; cán bộ quản lý giáo viên trực tiếp giảng dạy trẻ ở các quận, huyện tham gia đầy đủ các nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

III. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

Cán bộ quản lý, giáo viên trực tiếp giảng dạy và nhân viên tại các trường mầm non công lập, ngoài công lập trên địa bàn thành phố.

IV. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

Cán bộ quản lý và giáo viên bậc học mầm non đạt trình độ chuyên môn, chính trị và nghiệp vụ quản lý đến năm 2015 cụ thể như sau:

	Cán bộ quản lý		Giáo viên	
	2013	2014 - 2015	2013	2014 - 2015
Trình độ cao đẳng và đại học	85,30%	90,00%	71,30%	80,00%
Trình độ Thạc sĩ	1,50%	2,00%	0,02%	0,05%
Trình độ tiến sĩ	0,15%	0,40%	0,00%	0,02%
Trung cấp chính trị trở lên	10,3 0%	50,00%	2,00%	4,00%
Ngh nghiệp vụ quản lý		98,00%	100,00%	

IV. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

A. Công tác bồi dưỡng:

1. Các lớp ngắn hạn:

Trong năm học 2014 - 2015 Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sài Gòn tổ chức lớp bồi dưỡng về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi như sau:

1.1. Đối tượng bồi dưỡng: Khoảng 500 người (5 lớp) bao gồm:

- Cán bộ quản lý, chuyên viên, giáo viên Trường Bồi dưỡng Giáo dục phụ trách bậc học mầm non của 24 quận, huyện.

- Cán bộ quản lý, giáo viên trực tiếp giảng dạy trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi đã đủ chuẩn đào tạo đang giảng dạy tại các Trường Mầm non ở 8 quận, huyện thí điểm là: Bình Chánh, Bình Tân, Củ Chi, Nhà Bè, Tân Phú, Thủ Đức, Quận 7, Quận 12.

1.2. Nội dung bồi dưỡng:

TT	Môn học	Ghi chú
1	Đặc điểm sinh lý trẻ 6-18 tháng - Kỹ năng phòng tránh tai nạn thường gặp - Sơ cấp cứu.	
2	Vệ sinh phòng bệnh cho trẻ.	
3	Dinh dưỡng, tổ chức bữa ăn cho trẻ.	
4	Xây dựng môi trường an toàn và tổ chức chế độ sinh hoạt cho trẻ.	
5	Luyện giác quan, phát triển cảm xúc.	
6	Phát triển vận động, các bài chơi tập cho trẻ.	
7	Kiến tập, đi thực tế tại cơ sở có nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi.	

Nội dung giảng dạy sẽ mang tính thực tiễn cao, kèm theo video và hình ảnh thực tế. Có đánh giá cuối khóa và cấp chứng nhận của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sài Gòn.

1.3. Thời lượng bồi dưỡng: 120 tiết.

1.4. Thời gian, địa điểm bồi dưỡng:

a) Thời gian: Dự kiến tháng 10 năm 2014.

b) Địa điểm:

- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Sài Gòn.

1.5. Báo cáo viên:

- Giảng viên khoa Giáo dục Mầm non Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sài Gòn.

- Từ năm học 2015 - 2016 đến năm 2020, công tác bồi dưỡng về chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi được thực hiện như sau:

Các Trường Bồi dưỡng Giáo dục quận, huyện chủ động phối hợp liên kết với các cơ sở đào tạo (Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sài Gòn...) tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi theo nhu cầu thực tế của từng quận, huyện.

Phối hợp tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi tại quận, huyện theo kế hoạch chung của Sở Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu.

Đối với các trường sư phạm trên địa bàn thành phố, cần đưa nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 tháng tuổi vào chương trình đào tạo.

2. Bồi dưỡng theo yêu cầu thực tiễn (bồi dưỡng chuyên đề, bồi dưỡng hè,...):

- Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên đề theo yêu cầu thực tiễn, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hè,... Các đơn vị

trực thuộc Sở và Phòng Giáo dục - Đào tạo quận, huyện căn cứ vào các kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với tình hình thực tế của địa phương tổ chức bồi dưỡng hè cho cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên.

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng kế hoạch phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ mở các lớp bồi dưỡng cho chủ nhóm trẻ, nhân viên chăm sóc (bảo mẫu) các cơ sở mầm non ngoài công lập kiến thức cơ bản về chăm sóc giáo dục trẻ. Khi học xong sẽ được cấp giấy chứng nhận và được phép mở nhóm, lớp hoặc được vào làm ở các trường mầm non. Đối với những người không đủ trình độ văn hóa để theo học các lớp bồi dưỡng thì sẽ được tham dự các chuyên đề về công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công đoàn ngành Giáo dục Thành phố và Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố biên soạn tài liệu tuyên truyền (tờ bướm) về công tác chăm sóc giáo dục trẻ, Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn tài liệu (cẩm nang bỏ túi) để tuyên truyền về ngành giáo dục mầm non.

B. Công tác đào tạo:

Trên địa bàn thành phố, hiện có 8 trường đang đào tạo giáo viên Mầm non hệ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học; thời gian qua các quận, huyện đã chủ động liên kết với các trường sư phạm mở nhiều lớp đào tạo giáo viên mầm non.

Căn cứ thực trạng đội ngũ giáo viên mầm non hiện nay, Thành phố đang thiếu khoảng 2.000 giáo viên mầm non. Ngoài ra, mỗi năm cần thêm 2.000 giáo viên mầm non để đáp ứng nhu cầu nuôi dạy, chăm sóc trẻ của toàn Thành phố. Như vậy số giáo viên cần bổ sung cho năm học 2014-2015 là 4.000 người.

- Năm học 2014-2015, số lượng sinh viên ngành sư phạm mầm non tốt nghiệp là 1.567 người, trong đó dự đoán thu hút khoảng 80% (1.253 giáo sinh) sẽ công tác tại thành phố. Số sinh viên do quận, huyện mở lớp đào tạo là 379 người. Như vậy, năm 2014-2015 thành phố còn thiếu khoảng 2.368 giáo viên mầm non.

- Năm học 2015-2016, số lượng sinh viên ngành sư phạm mầm non tốt nghiệp là khoảng 2.768 người, trong đó dự đoán thu hút khoảng 80% (2.215 giáo sinh) sẽ công tác tại thành phố. Số sinh viên do quận, huyện mở lớp đào tạo là 438. Như vậy, đến năm 2015-2016 thành phố còn thiếu khoảng 1.715 giáo viên mầm non.

- Năm học 2016-2017 theo dự báo sẽ cần thêm 2.000 giáo viên, như vậy năm học 2016-2017 sẽ cần 3.716 giáo viên. Số lượng học sinh hệ Trung cấp và Cao đẳng và Đại học ngành Sư phạm Mầm non tốt nghiệp vào năm 2016 là 3.537 người. Dự

kiến khoảng 80% số sinh viên tốt nghiệp (2.829 sinh viên) sẽ ở lại Thành phố làm việc. Như vậy năm học 2016-2017 còn thiếu 886 giáo viên.

- Năm học 2017-2018, số lượng học sinh hệ Trung cấp và Cao đẳng và Đại học ngành Sư phạm Mầm non tốt nghiệp vào năm 2017 là 4.080 người. Dự kiến khoảng 80% số sinh viên tốt nghiệp (3.264 sinh viên) sẽ ở lại thành phố làm việc. Năm học 2017-2018 cần bổ sung 2.886 (2.000 là dự kiến tăng thêm hàng năm và 886 là thiếu của năm học trước). Số lượng giáo viên mầm non từ các lớp của quận, huyện hệ Đại học ngành Sư phạm Mầm non tốt nghiệp vào năm 2017 là 91 người. Như vậy năm học 2017-2018 Thành phố sẽ có đủ giáo viên/lớp theo quy định.

- Năm học 2018-2019 đến các năm tiếp theo số lượng học sinh hệ Trung cấp và Cao đẳng và Đại học ngành Sư phạm Mầm non tốt nghiệp mỗi năm là trên 2.000 giáo viên, đảm bảo đủ giáo viên để bổ sung cho việc tăng trường lớp mầm non.

Công tác xét tuyển giáo viên ngành học sư phạm mầm non từ năm học 2015-2016 đến năm 2020 thực hiện như sau:

- Tiếp nhận tất cả các sinh viên tốt nghiệp ngành sư phạm mầm non từ các trường Đại học, Cao đẳng hoặc Trung cấp chuyên nghiệp về công tác trên địa bàn thành phố (nếu có KT3).

- Yêu cầu các trường có đào tạo sư phạm mầm non trên địa bàn bổ sung chương trình đào tạo giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu thực tế của Thành phố.

- Có chính sách thu hút số lượng học sinh đã tốt nghiệp ngành Điều dưỡng nhi hệ Trung cấp năm 2014 (chưa có việc làm) là khoảng 1.000 người sẽ tiếp tục được bồi dưỡng về về nghiệp vụ sư phạm mầm non hoặc đào tạo văn bằng 2 trung cấp chuyên nghiệp (thời gian đào tạo là 01 năm). Số điều dưỡng nhi này sẽ được tuyển dụng vào các lớp có trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng tuổi

- Trong những năm tiếp theo, tùy tình hình thực tiễn, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có kế hoạch cùng với các trường có đào tạo ngành sư phạm mầm non điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh và mở rộng đào tạo mầm non ở các trường có điều kiện.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng:

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng cần phải được thực hiện thường xuyên, liên tục nhằm nâng cao nhận thức về chính trị, ý thức trách nhiệm, tu dưỡng phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp. Từ đó, từng cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức phấn đấu tự

bồi dưỡng, tự rèn luyện, tu dưỡng để vươn lên đạt được yêu cầu về tiêu chuẩn, chức danh và nhận thức được việc rà soát điều chỉnh, sắp xếp lại đội ngũ là việc làm cần thiết, cấp bách để góp phần thực hiện thắng lợi chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển giáo dục và đào tạo từ nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020.

2. Thực hiện việc rà soát cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên từ nay đến hết năm 2015:

Tiến hành xây dựng kế hoạch rà soát đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên bậc Mầm non trên cơ sở xác minh rõ mục đích, yêu cầu, giải pháp phù hợp nhằm vừa đảm bảo được tính ổn định, vừa đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ.

Tổ chức triển khai thực hiện việc rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên phải đảm bảo tính dân chủ, công khai, công bằng, khách quan, chính xác.

3. Đào tạo giáo viên ngành học mầm non:

Căn cứ vào quy hoạch phát triển trường lớp của địa phương, hàng năm các Phòng Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBQL và giáo viên Mầm non về chuyên môn, chính trị, ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ,... gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo. Trên cơ sở đó, Sở Giáo dục và Đào tạo có kế hoạch và phối hợp với các trường Đại học tổ chức đào tạo theo nhu cầu của các đơn vị và địa phương.

4. Bồi dưỡng nhân viên:

Đẩy mạnh việc bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên trường đối với các chức danh: văn thư, kế toán, thủ quỹ, y tế, thư viện, thiết bị, thí nghiệm, bảo vệ, phục vụ, tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp. Phần đầu đến 2015 tất cả đều phải qua các lớp bồi dưỡng.

Giao cho các trường Bồi dưỡng Giáo dục và Trung tâm giáo dục thường xuyên quận, huyện tổ chức bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ và tin học cho nhân viên phù hợp với hoạt động nghiệp vụ theo tiêu chuẩn của từng chức danh.

5. Bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước:

Tiếp tục phối hợp với cấp ủy địa phương quy hoạch và tham mưu với Ban tổ chức quận (huyện) ủy bồi dưỡng trình độ trung cấp lý luận chính trị, cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị cho một số cán bộ chủ chốt của ngành.

VII. KINH PHÍ

1. Kinh phí các lớp bồi dưỡng ngắn hạn:

Kinh phí cho công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên Mầm non về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi năm học 2014 - 2015 từ ngân sách nhà nước như sau:

Kinh phí: Dự kiến 1.800.000 đồng/người (theo khung học phí của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh).

Tổng kinh phí: 1.800.000 đồng x 500 người = 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng)

Kinh phí cho công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi năm học 2014 - 2015 được cấp từ ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đào tạo:

Hỗ trợ cho giáo sinh ngành sư phạm mầm non (có hộ khẩu thành phố) đang học tại các trường tư thục trên địa bàn được cấp bù học phí theo mức học phí của các trường công lập.

- Dự kiến số giáo sinh năm 2014: 800 x 3 triệu = 2,4 tỷ.
- Dự kiến số giáo sinh năm 2015: 1.500 x 3 triệu = 4,5 tỷ.
- Những năm tiếp theo: 1.500 x 3 triệu = 4,5 tỷ.

Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo bổ sung từ ngân sách thành phố và quyết toán theo thực tế.

3. Nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng từ năm 2015 đến năm 2020:

- Nguồn kinh phí được cấp hàng năm cho giáo dục và đào tạo.
- Nguồn kinh phí thường xuyên được phân bổ hàng năm cho các trường.
- Nguồn kinh phí cá nhân tự chi trả.
- Các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp khác (nếu có).
- Đối với các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ, chuyên môn: kinh phí thực hiện một phần từ nguồn vốn chương trình mục tiêu xây dựng hàng năm (nếu có), hoặc đơn vị, cá nhân đi học tự chi trả.
- Đối với cán bộ, công chức và Hiệu trưởng các đơn vị được cử đi đào tạo: thực hiện theo Điều 23, Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ thủ trường đơn vị): thực hiện theo Mục 3 “Đào tạo bồi dưỡng” của Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Là cơ quan thường trực, phối hợp với Sở, ngành liên quan để trình Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các chế độ, chính sách, cấp phát kinh phí theo yêu cầu của đề án được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Triển khai cụ thể kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non giai đoạn 2014 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Xác minh nhu cầu và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non từ nay đến năm 2015.

- Tham mưu nội dung và báo cáo viên cho công tác bồi dưỡng cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non từ nay đến năm 2015.

- Tham mưu chỉ tiêu đào tạo sinh viên ngành sư phạm mầm non, tham mưu việc mở mã ngành đào tạo sinh viên hệ Trung cấp, Cao đẳng và Đại học ngành sư phạm mầm non trên địa bàn Thành phố từ nay đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Tuyên truyền, vận động học sinh phổ thông dự tuyển vào ngành sư phạm mầm non, xác định chuẩn đầu ra cho công tác đào tạo giáo viên mầm non để nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng nhu cầu sử dụng giáo viên của các trường mầm non (công lập và ngoài công lập) trên địa bàn thành phố từ nay đến năm 2015 và những năm tiếp theo.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết về thực hiện đề án, rút kinh nghiệm trình Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Sở Nội vụ: Chủ trì phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu các chế độ, chính sách cho giáo viên, nhân viên tham gia giữ trẻ từ 6 tháng đến 18 tháng tuổi.

3. Sở Tài chính: Cân đối, bố trí ngân sách thường xuyên, chương trình mục tiêu chi để đảm bảo các mục tiêu, tiến độ thực hiện đề án; phối hợp tổ chức kiểm tra, thanh tra tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

4. Ủy ban nhân dân quận - huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận - huyện:

- Ủy ban nhân dân quận - huyện tiến hành rà soát, thống kê số trẻ từ 6 tháng đến 12 tháng và từ 12 tháng đến 18 tháng, từ đó nắm được tổng số trẻ hiện có và nhu cầu thực tế của phụ huynh đối với trẻ ở độ tuổi này. Dựa trên số liệu để chủ động chuẩn bị cơ sở vật chất và đội ngũ.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận - huyện cử cán bộ quản lý, chuyên viên và giáo viên của đơn vị tham gia đầy đủ lớp bồi dưỡng theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo; chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và quản lý việc tham gia học bồi dưỡng của các cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị.

- Trong năm học 2014 - 2015, Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận - huyện chỉ đạo cho các Trường Bồi dưỡng Giáo dục tổ chức các lớp tập huấn cho giáo viên mầm non phụ trách nhóm trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi ở các nhóm, lớp cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập tại địa phương với đội ngũ báo cáo viên là các chuyên viên, giáo viên đã tham gia lớp bồi dưỡng do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Kể từ năm 2015, Phòng Giáo dục và Đào tạo các quận - huyện chỉ đạo cho các trường Bồi dưỡng Giáo dục chủ động phối hợp liên kết với các cơ sở đào tạo tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý mầm non về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ từ 6 đến 18 tháng tuổi theo nhu cầu thực tế của quận, huyện. Phối hợp tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng tại quận, huyện theo kế hoạch chung của Sở Giáo dục và Đào tạo khi có yêu cầu.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức đoàn thể:

Thường xuyên tuyên truyền cho các bà mẹ về việc nuôi dạy trẻ an toàn, kiên quyết không gửi trẻ ở những điểm giữ trẻ không phép; tổ chức giám sát hoạt động giáo dục, chăm sóc và nuôi dạy trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non, nhất là các cơ sở ngoài công lập và nhóm trẻ gia đình, phát hiện kịp thời những điểm giữ trẻ không phép để kịp thời phối hợp chấn chỉnh, xử lý những sai phạm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị lãnh đạo các cơ quan liên quan thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4613/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Căn cứ Công văn số 2776/UBND-CCHC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4602/STP-KSTT ngày 26 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Nghị quyết số

43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4613/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, đáp ứng mục tiêu hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư và bảo đảm thi hành có hiệu quả Luật Đất đai; tạo môi trường kinh doanh minh bạch, bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi; cắt giảm ít nhất 40% thời gian thực hiện gắn với tiết kiệm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế; nâng cao vị trí xếp hạng của Việt Nam về chỉ số thuận lợi kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia; thúc đẩy thu hút đầu tư, góp phần phòng chống tham nhũng và phát triển kinh tế - xã hội.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ, thời gian hoàn thành và trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ được giao; đảm bảo chế độ thông tin báo cáo kịp thời tiến độ thực hiện, vướng mắc, khó khăn (nếu có) cho cơ quan, người có thẩm quyền.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tổ chức quán triệt Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ

Các Sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện chịu trách nhiệm tổ chức quán triệt Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ đến cán bộ, công chức và đơn vị trực thuộc về một số nhiệm vụ trọng tâm

trong thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh.

2. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định về thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong phạm vi lĩnh vực quản lý chủ động rà soát đồng thời dự thảo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố để thực thi các nhiệm vụ nêu tại Điều 2 Nghị quyết số 43/NQ-CP; trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền **trước ngày 15 tháng 10 năm 2014**.

Trường hợp văn bản thực thi thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 43/NQ-CP, việc sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân Thành phố được thực hiện ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành.

Ưu tiên áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự thủ tục rút gọn và đảm bảo nguyên tắc tại Điểm a, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 43/NQ-CP.

3. Ban hành văn bản chuẩn hóa quy trình liên thông giải quyết các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và các đơn vị khác có liên quan dự thảo văn bản về quy trình liên thông giải quyết các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền.

Trong quá trình chưa hoàn thành sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định pháp luật có liên quan tại luật, pháp lệnh, các Sở, ngành được phân công phải dự thảo văn bản quy định về quy trình thực hiện thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất được hoàn thiện chuẩn hóa tại Phụ lục I Nghị quyết số 43/NQ-CP và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành **trước ngày 15 tháng 10 năm 2014** đối với quy trình liên thông thuộc trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư không thông qua đấu giá, đấu thầu; 02 quy

trình còn lại thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất và trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư sẽ trình Ủy ban nhân dân Thành phố trước **ngày 31 tháng 12 năm 2014.**

Sau khi đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại luật, pháp lệnh, các Sở ngành được phân công tham mưu sửa đổi, bổ sung quy trình theo trình tự được hoàn thiện chuẩn hóa tại Phụ lục II Nghị quyết số 43/NQ-CP và trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền sau khi luật, pháp lệnh được ban hành.

Việc hoàn thiện chuẩn hóa phải đảm bảo nguyên tắc: thực hiện tối đa cơ chế một cửa liên thông, nhà đầu tư đến một địa điểm, nộp một bộ hồ sơ, một lần và nhận được nhiều kết quả giải quyết từ các cơ quan khác nhau; cho phép thực hiện song song, đồng thời nhiều thủ tục hành chính để giảm bớt thời gian thực hiện cho nhà đầu tư; Thực hiện việc kế thừa kết quả giải quyết thủ tục hành chính để giảm thiểu chi phí cho nhà đầu tư trong việc chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, đáp ứng các yêu cầu, điều kiện để được xem xét giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước.

4. Thực hiện công khai, minh bạch thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất

a) Công bố các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp xây dựng dự thảo Quyết định công bố các thủ tục hành chính thực hiện quy trình liên thông trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về quy trình liên thông (thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 3, Phần II Kế hoạch này) có hiệu lực thi hành.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý có trách nhiệm dự thảo Quyết định công bố các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành chậm nhất trước 05 ngày tính đến ngày văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố (thực hiện các nhiệm vụ tại Khoản 2, Phần II Kế hoạch này) có hiệu lực thi hành.

b) Niêm yết công khai thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

Cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất có trách nhiệm niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ, chính xác các thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại trụ sở và trên trang thông tin điện tử của đơn vị.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính trong dự án đầu tư có sử dụng đất nghiên cứu tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; thực hiện công khai thông tin về kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư, đặc biệt là các trường hợp, lý do thực hiện chậm trễ của từng trường hợp trên Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư để cá nhân, tổ chức biết và giám sát việc thực hiện.

Đẩy mạnh công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

d) Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc, đúng yêu cầu về thời hạn, nội dung công bố, công khai thủ tục hành chính; đồng thời thực hiện việc kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư do các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện.

5. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư tại các cấp chính quyền

a) Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư tại các cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố; tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố chấn chỉnh, xử lý nghiêm và kịp thời những cán bộ, công chức, viên chức có hành vi nhũng nhiễu, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về thủ tục hành chính, các cơ quan, tổ chức không thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính, cũng như chậm trễ trong việc tham mưu sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và không hiệu quả.

b) Các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư tại phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc; chấn chỉnh, xử lý

ng nghiêm và kịp thời những cán bộ, công chức có hành vi nhũng nhiễu, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định; không thực hiện nghiêm túc việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính, cũng như chậm trễ trong việc tham mưu sửa đổi các quy định về thủ tục hành chính trong thực hiện dự án đầu tư không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và không hiệu quả.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai Kế hoạch này; tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch, những vướng mắc của các đơn vị (nếu có).

2. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và ưu tiên bố trí đủ kinh phí để bảo đảm hoàn thành việc thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

3. Thủ trưởng Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị có liên quan chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao; đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

Đối với các nhiệm vụ nêu tại Khoản 2, 3, 5 Phần II Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì khẩn trương xây dựng Kế hoạch chi tiết triển khai, xác định cụ thể các giai đoạn thực hiện, thời gian hoàn thành, dự kiến sản phẩm; Kế hoạch chi tiết của từng đơn vị gửi về Sở Tư pháp 01 bản để tổng hợp, báo cáo./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4637/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2686/TTr-GDDT-VP ngày 06 tháng 8 năm 2014, ý kiến của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 4408/STP-KSTT ngày 18 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp,

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4637/QĐ-UBND

ngày 16 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định thủ tục hành chính mới
1	Thủ tục công nhận văn bằng tốt nghiệp phổ thông của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở nước ngoài cấp. - Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thông tư số 95/2013/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam.

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Thủ tục công nhận văn bằng tốt nghiệp phổ thông của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Người có văn bằng, người đại diện theo pháp luật của người có văn bằng hoặc người được ủy quyền, có nguyện vọng đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp chuẩn bị hồ sơ theo quy định và nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo (địa chỉ: 66 - 68 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Quận 1) vào các ngày làm việc từ thứ hai đến thứ sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ)

+ Bước 2: Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì ghi biên nhận (theo mẫu 2) có ngày trả kết quả cho người nộp hồ sơ. Nếu hồ sơ được gửi qua đường bưu điện thì căn cứ vào dấu bưu điện để xác định ngày nhận hồ sơ.

+ Bước 3: Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét công nhận văn bằng cho người đề nghị (Mẫu 3). Trong trường hợp văn bằng không được công nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải trả lời bằng văn bản cho đương sự.

+ Bước 4: Người nộp hồ sơ căn cứ ngày hẹn trên biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Cách thức thực hiện: nộp trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần hồ sơ:

- Một (01) đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (Mẫu 1).

- Một (01) bản sao văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Một (01) bản sao kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

- Một (01) trong các tài liệu sau: xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của

Việt Nam ở nước sở tại; xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi đã học tập; bản sao hợp lệ hộ chiếu có đóng dấu ngày xuất, nhập cảnh; minh chứng đã đăng kí vào Hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý lưu học sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường hợp cần thiết phải thẩm định mức độ đáp ứng quy định về tuyển sinh chương trình đào tạo, người có văn bằng cần gửi kèm theo hồ sơ các tài liệu liên quan như: chứng chỉ ngoại ngữ, các văn bằng, chứng chỉ có liên quan.

Hồ sơ phải còn nguyên vẹn, không bị tẩy xóa, không bị hủy hoại bởi các yếu tố thời tiết, khí hậu hoặc bất kỳ một lý do nào khác.

Trong trường hợp, người nộp hồ sơ là người đại diện theo pháp luật của người có văn bằng hoặc người được ủy quyền thì phải mang theo giấy tờ chứng minh là người đại diện theo pháp luật của người có văn bằng hoặc người được ủy quyền (Giấy ủy quyền)

+ Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** cá nhân là người Việt Nam.

- **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giáo dục và Đào tạo TPHCM.

- **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (mẫu 1 - ban hành kèm Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Giấy biên nhận hồ sơ (mẫu 2 - ban hành kèm Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Giấy công nhận văn bằng giáo dục phổ thông (mẫu 3 - ban hành kèm Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- **Phí, lệ phí:**

- Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam cấp là 250.000 đồng/văn bằng.

- Xác minh để công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ở nước ngoài là 500.000 đồng/văn bằng.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy công nhận văn bằng giáo dục phổ thông (hoặc Văn bản từ chối công nhận có nêu rõ lý do trong trường hợp văn bằng không được công nhận).

- **Yêu cầu và điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** thực hiện đối với bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục các cấp học phổ thông; do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở nước ngoài cấp.

- Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 95/2013/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ, tài liệu để công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người Việt Nam.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 2

**GIẤY BIÊN NHẬN HỒ SƠ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG
DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP**

Họ và tên người nộp hồ sơ:

Hồ sơ gồm có:

STT	Loại văn bản	Số lượng	Có
1	Đơn đề nghị công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp		
2	Bản sao văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm theo bản dịch tiếng ra Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực		
3	Bản sao kết quả quá trình học tập tại cơ sở giáo dục nước ngoài kèm theo bản dịch ra tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực		
4	Các tài liệu khác (có thì thực) gồm có: - - - -		

Ngày nhận hồ sơ:

Ngày trả hồ sơ:

Người nộp hồ sơ
(ký, ghi rõ họ tên)

Người nhận hồ sơ
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Giấy biên nhận này được thu lại lưu hồ sơ sau khi trả kết quả

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

CÔNG NHẬN

Văn bằng sốngày cấp

do (ghi rõ tên cơ sở giáo dục nước ngoài)

.....

.....

cấp cho: (ghi rõ họ và tên người có bằng)

Ngày sinh:

Nơi sinh:

Là bằng tốt nghiệp (THCS, THPT)

Đã đăng ký tại Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
ngày..... tháng..... năm 200...

GIÁM ĐỐC

(ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đã vào sổ đăng ký số.....

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4661/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014 ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 67/2011/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 4742/STP-VB ngày 03 tháng 9 năm 2014;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đưa ra khỏi Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố và chuẩn bị dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố năm 2014 (gọi tắt là Chương trình lập quy năm 2014) ban hành kèm theo Quyết định số 560/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố 40 văn bản (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 2. Bổ sung vào Chương trình lập quy 2014: 06 văn bản (chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm)

Điều 3. Điều chỉnh 04 văn bản trong Chương trình lập quy 2014, cụ thể như sau:

1. Thay đổi trích yếu nội dung Quyết định “*Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại thành phố Hồ Chí Minh*” (Số thứ tự thứ 02 - Phụ lục 1) thành Quyết định “*Thay thế Quyết định số 80/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh*”; Kinh phí hỗ trợ: 9.000.000 đồng.

2. Thay đổi trích yếu nội dung Quyết định “*Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*” (Số thứ tự thứ 03 - Phụ lục 1) thành Quyết định “*Thay thế Quyết định số 79/2011/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định về kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”; Thời gian trình: Quý III/2014; Kinh phí hỗ trợ: 9.000.000 đồng.

3. Thay đổi trích yếu nội dung Quyết định “*Ban hành chính sách đầu tư hỗ trợ sản xuất, sơ chế, tiêu thụ rau an toàn theo quy trình VietGAP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*” (Số thứ tự thứ 34 - Phụ lục 1) thành Quyết định “*Ban hành Quy định chính sách khuyến khích áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn Thành phố*”; Thời gian trình: Quý IV/2014.

4. Thay đổi thời gian trình Quyết định ban hành Bảng giá làm cơ sở xác định

thẩm quyền xử phạt, mức xử phạt vi phạm hành chính và tính giá khởi điểm bán đấu giá lâm sản sau xử lý tịch thu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Số thứ tự thứ 35 - Phụ lục 1) từ “*Quý II/2014*” sang “*Quý IV/2014*”.

Điều 4. Phê duyệt kinh phí cấp cho Sở Tư pháp chủ trì xây dựng Quyết định điều chỉnh Chương trình lập quy 2014 là 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng).

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

Phụ lục 1

DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯA RA KHỎI CHƯƠNG TRÌNH LẬP QUY NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4661/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
1.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2010 của UBND thành phố ban hành “Đề án kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức giám định tư pháp, các lĩnh vực giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2015”.	Sở Tư pháp	4 - Phụ lục 1
2.	Quyết định	Ban hành Quy định về quy trình, thủ tục xử lý và ban hành văn bản tại các cơ quan, tổ chức (công tác quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan); chỉnh lý và số hoá tài liệu lưu trữ.	Sở Nội vụ	9 - Phụ lục 1
3.	Quyết định	Ban hành quy định về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ của công chức phường-xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ	10 - Phụ lục 1
4.	Quyết định	Ban hành quy định về tiếp nhận công chức ngoài biên chế.	Sở Nội vụ	11 - Phụ lục 1
5.	Quyết định	Ban hành quy định về thủ tục kiểm kê bắt buộc hiện trạng khuôn viên nhà đất và tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (thay thế Quyết định số 74/2006/QĐ-UBND ngày 17/5/2006 của UBND thành phố)	Sở Tài nguyên và Môi trường	15 - Phụ lục 1
6.	Quyết định	Ban hành quy định về thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 19/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố)	Sở Tài nguyên và Môi trường	16 - Phụ lục 1

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
7.	Quyết định	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức đang sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 35/2009/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố)	Sở Tài nguyên và Môi trường	17 - Phụ lục 1
8.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 20/2008/QĐ-UBND ngày 21/3/2008 của UBND thành phố ban hành quy chế phối hợp liên ngành để giải quyết hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Tài nguyên và Môi trường	18 - Phụ lục 1
9.	Quyết định	Ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	19 - Phụ lục 1
10.	Quyết định	Ban hành quy định về giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Xây dựng	29 - Phụ lục 1
11.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý, thu nộp, sử dụng quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	40 - Phụ lục 1
12.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy trình về tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Thanh tra Thành phố	41 - Phụ lục 1
13.	Quyết định	Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động trợ giúp thanh niên các trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	42 - Phụ lục 1

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
14.	Quyết định	Ban hành chế độ hỗ trợ đối với giáo viên tiếng Anh đạt chuẩn tham gia thực hiện Đề án “Phổ cập và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh cho học sinh phổ thông và chuyên nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011-2020”.	Sở Giáo dục và Đào tạo	43 - Phụ lục 1
15.	Quyết định	Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và mức hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh cho người nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Y tế	46 - Phụ lục 1
16.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 39/2012/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 của UBND thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng Kiểm tra Liên ngành hoạt động văn hoá, thông tin và phòng chống tệ nạn xã hội thành phố.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	48 - Phụ lục 1
17.	Quyết định	Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	49 - Phụ lục 1
18.	Quyết định	Ban hành quy định về công tác thẩm định và phê duyệt các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT); hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (BTO); hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) do UBND Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện Hợp đồng dự án.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	51 - Phụ lục 1
19.	Quyết định	Ban hành mức lệ phí cấp giấy đăng ký và biên số phương tiện giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Công an Thành phố	53 - Phụ lục 1
20.	Quyết định	Thành lập, quản lý và sử dụng quỹ phòng, chống tội phạm.	Công an Thành phố	54 - Phụ lục 1

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
21.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Công Thương (thay thế Quyết định số 23/2009/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2009 của UBND thành phố).	Sở Công Thương	55 - Phụ lục 1
22.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý và khai thác hệ thống thông tin về dân cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	56 - Phụ lục 1
23.	Quyết định	Ban hành quy chế phối hợp cung cấp thông tin và đảm bảo hoạt động trang thông tin điện tử Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	57 - Phụ lục 1
24.	Quyết định	Ban hành quy định về ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn mới.	Sở Thông tin và Truyền thông	58 - Phụ lục 1
25.	Quyết định	Ban hành quy chế quản lý và khai thác dữ liệu về Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	59 - Phụ lục 1
26.	Quyết định	Ban hành quy định quản lý và khai thác các hệ thống thông tin chung của Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Thông tin và Truyền thông	60 - Phụ lục 1
27.	Chỉ thị	Về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sông, suối, kênh, rạch, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Chỉ thị số 09/2010/CT-UBND ngày 11/3/2010 của UBND thành phố).	Sở Giao thông vận tải	70 - Phụ lục 1
28.	Chỉ thị	Về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ năm 2014.	Bộ Tư lệnh thành phố	80 - Phụ lục 1
29.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định số 95/2009/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2009).	Sở Tư pháp	01 - Phụ lục 2

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
30.	Quyết định	Ban hành quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn Thành phố	Sở Tư pháp	02 - Phụ lục 2
31.	Quyết định	Ban hành Quy định về tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và công chức Tư pháp quận - huyện.	Sở Tư pháp	03 - Phụ lục 2
32.	Quyết định	Ban hành mức thù lao cho cộng tác viên Dân số - Trẻ em.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	07 - Phụ lục 2
33.	Quyết định	Ban hành quy định về cơ chế phối hợp và quản lý, sử dụng các nguồn vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn tài trợ từ thiện cho người nghèo, hộ nghèo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	08 - Phụ lục 2
34.	Quyết định	Ban hành chế độ hỗ trợ cán bộ y tế trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	09 - Phụ lục 2
35.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 31/2009/QĐ-UBND ngày 18/4/2009 của UBND thành phố về phân công, ủy quyền giải quyết một số thủ tục thuộc chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với các doanh nghiệp nhà nước và các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	12 - Phụ lục 2
36.	Quyết định	Thay thế Quyết định số 126/2007/QĐ-UBND ngày 20/10/2007 ban hành Quy định về quản lý thực hiện các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước của Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	13 - Phụ lục 2
37.	Quyết định	Ban hành Quy định về quy hoạch xăng dầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (thay thế Quyết định 39/2007/QĐ-UBND).	Sở Công Thương	14 - Phụ lục 2

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Số thứ tự tại CTLQ 2014
38.	Quyết định	Ban hành Quy định về phân cấp chợ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Công Thương	16 - Phụ lục 2
39.	Quyết định	Ban hành quy định về quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng dành cho các cơ quan Đảng và Nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Thông tin và Truyền thông	17 - Phụ lục 2
40.	Nghị quyết	Quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn Thành phố	Sở Tư pháp	01 - Phụ lục 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Phụ lục 2

DANH MỤC VĂN BẢN BỔ SUNG VÀO CHƯƠNG TRÌNH LẬP QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4661/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1.000 đồng)	Cơ quan đề xuất
1.	Quyết định	Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục mầm non công lập	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Tư pháp	Quý III/2014	9.000	Sở Giáo dục và Đào tạo
2.	Quyết định	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Lực lượng dân phòng tại Thành phố	Sở Nội vụ	Sở Cảnh sát PC&CC	Quý IV/2014	9.000	Sở Nội vụ
3.	Quyết định	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 299/QĐ-UB-NC ngày 26/01/1994 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy định về chức danh Tổng phụ trách Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh trong các trường phổ thông	Sở Nội vụ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Quý IV/2014	7.200	Sở Nội vụ
4.	Chỉ thị	Tăng cường, đẩy mạnh công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Tư pháp	Văn phòng UBNDTP và các đơn vị liên quan	Quý III/2014	3.500	Sở Tư pháp

STT	Hình thức văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình	Kinh phí hỗ trợ (Đvt: 1.000 đồng)	Cơ quan đề xuất
5.	Chỉ thị	Về việc tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn Thành phố	Sở Tư pháp	Sở - ban - ngành, UBND quận - huyện	Quý IV/2014	3.500	Sở Tư pháp
6.	Chỉ thị	Về việc tăng cường các biện pháp chấn chỉnh quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở - ngành liên quan, UBND quận - huyện	Quý IV/2014	3.500	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4743/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6597/TTr-TNMT-PC ngày 16 tháng 9 năm 2014 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 4238/STP-KSTT ngày 08 tháng 8 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này bãi bỏ 08 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đất đai, 24 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đo đạc bản đồ và 10 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Tài nguyên môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4743/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
I. Lĩnh vực đất đai			
1	T-HCM-028642-TT	Thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 9, 11 và 12 Điều 38 Luật Đất đai (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
2	T-HCM-028652-TT	Thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 10 Điều 38 Luật Đất đai (đối tượng là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài).	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
3	T-HCM-025706-TT	Thu hồi đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
4	T-HCM-025754-TT	Thu hồi đất theo Quyết định số 09/2007/TTg ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước đối với trường hợp có chủ trương thu hồi đất của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
5	Không tìm thấy trên cơ sở dữ liệu quốc gia	Thu hồi đất theo khoản 1 Điều 38 Luật Đất đai năm 2003: Thu hồi đất trong trường hợp Nhà nước sử dụng đất vào mục đích phát triển kinh tế	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
6	T-HCM-025884-TT	Thu hồi đất theo Quyết định số 09/2007/TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước trong trường hợp Bộ Tài chính ban hành quyết định thu hồi đất đối với những tài sản thuộc quyền quản lý của cấp Trung ương	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
7	T-HCM-025897-TT	Thu hồi đất đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất không có hiệu quả khi chưa có quyết định thu hồi đất (quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật Đất đai và hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai)	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
8	T-HCM-025953-TT	Thu hồi đất đối với các trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng đất không có hiệu quả khi có quyết định thu hồi đất (quy định tại Khoản 3 Điều 38 Luật Đất đai và hướng dẫn chi tiết tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai)	Không phải là TTHC vì là TTHC giữa các cơ quan nhà nước với nhau (theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
II. Lĩnh vực đo đạc bản đồ			
1	T-HCM-026281-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
2	T-HCM-026314-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
3	T-HCM-026328-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
4	T-HCM-026345-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí lập thủ tục giao - thuê đất theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
5	T-HCM-026363-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phân lô tổng thể theo yêu cầu của tổ chức	
6	T-HCM-026372-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí trích từ bản đồ phân lô tổng thể theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
7	T-HCM-026388-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
8	T-HCM-026398-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
9	T-HCM-026425-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tôn giáo, an ninh - quốc phòng	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
10	T-HCM-026434-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
11	T-HCM-026526-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ nhà đất, xác định vị trí, diện tích theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
12	T-HCM-026542-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ nhà đất, xác định vị trí, diện tích theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
13	T-HCM-026556-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí phục vụ công tác xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
14	T-HCM-026569-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí tách thửa phục vụ đăng bộ theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
15	T-HCM-026577-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí tách thửa phục vụ đăng bộ theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
16	T-HCM-026590-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin phép xây dựng, sửa chữa cải tạo nhà theo yêu cầu của cá nhân	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
17	T-HCM-026609-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ hiện trạng vị trí bổ túc hồ sơ xin phép xây dựng, sửa chữa cải tạo nhà theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
18	T-HCM-026684-TT	Đăng ký đo đạc, lập bản đồ, bản vẽ chuyên đề, đo độ cao, địa hình, định vị công trình theo yêu cầu của tổ chức	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
19	T-HCM-026696-TT	Kiểm định công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
20	T-HCM-026966-TT	Kiểm tra bản đồ hiện trạng vị trí trích đo do các công ty, đơn vị có chức năng đo đạc thực hiện	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
21	T-HCM-026970-TT	In sao bản đồ	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
22	T-HCM-026972-TT	Kiểm định kỹ thuật bản đồ địa chính	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
23	T-HCM-027000-TT	Kiểm tra bản đồ trích đo	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
24	T-HCM-027017-TT	Kiểm tra công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Không phải là TTHC vì căn cứ pháp lý không phải văn bản QPPL (theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
III. Lĩnh vực tài nguyên môi trường			
1	T-HCM-055407-TT	Mời thầu	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định về việc bãi bỏ TTHC
2	T-HCM-025155-TT	Tuyển dụng công chức	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
3	T-HCM-025716-TT	Tuyển dụng hợp đồng lao động	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
4	T-HCM-025744-TT	Tuyển dụng viên chức ngạch C (dạy nghề)	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
5	T-HCM-025994-TT	Tuyển dụng viên chức ngạch B (cán sự)	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
6	T-HCM-026011-TT	Tuyển dụng viên chức ngạch Ao, A1 (chuyên viên)	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
7	T-HCM-026659-TT	Tuyển dụng hợp đồng lao động	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
8	T-HCM-026677-TT	Tuyển dụng lao động	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
9	T-HCM-026614-TT	Tuyển dụng hợp đồng lao động	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)
10	T-HCM-026632-TT	Tuyển dụng lao động	Không phải là TTHC (theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 1****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 967/QĐ-UBND

Quận 1, ngày 08 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Về công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 67/TTr-TP ngày tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần của Ủy ban nhân dân Quận 1 năm 2014 (theo danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 1, Thủ trưởng các phòng ban đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trương Hải Hiếu

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ
HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1)

A. VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Nghị quyết	07/2007/NQ-HĐND Ngày 20/12/2007	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 7 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của Quận 1	Nghị quyết được áp dụng trong 05 năm 2006-2010, do đó, thời hạn điều chỉnh của văn bản đã hết. Hiện nay quy hoạch được thực hiện theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của Quận 1.	02/4/2014
2.	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND Ngày 17/12/2008	Nghị quyết HĐND quận 1 khóa IX kỳ họp thứ 11 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng đất 2006 - 2010 của quận 1	Nghị quyết được áp dụng trong 05 năm 2006-2010, do đó, thời hạn điều chỉnh của văn bản đã hết. Hiện nay quy hoạch được thực hiện theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của Quận 1.	02/4/2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
3.	Nghị quyết	10/2008/NQ-HĐND Ngày 17/12/2008	Về quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 5 năm (2006 - 2010) của 10 phường Quận 1	Nghị quyết được áp dụng trong 05 năm 2006-2010, do đó, thời hạn điều chỉnh của văn bản đã hết. Hiện nay quy hoạch được thực hiện theo Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) của Quận 1.	02/4/2014

B. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	2315/2009/QĐ-UBND Ngày 06/8/2009	Ban hành quy chế phối hợp quản lý môi trường và vệ sinh đô thị trên địa bàn Quận 1.	Nội dung của Quyết định không còn phù hợp với Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ; Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 10/6/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bãi bỏ Quyết định số 133/2007/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thí điểm thành lập thanh tra xây dựng quận - huyện và thanh tra xây dựng phường - xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định số 683/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 2315/2009/QĐ-UBND.	19/6/2014

C. VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2014

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1.	Quyết định	494/2007/QĐ-UBND ngày 06/6/2007	Hết hiệu lực Chương IV, Chương V, Chương VI VII của Quyết định	<p>Nội dung từ Điều 13 Chương IV đến Điều 26 Chương VII của Quyết định 494/2007/QĐ-UBND dựa trên Quyết định số 132/2006/QĐ-UBND ngày 05/9/2006 đã được bãi bỏ theo Khoản 1 Điều 2 Quyết định 07/2014/QĐ-UBND ngày 11/02/2014 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định 12/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014.</p> <p>Đồng thời, ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định số 684/QĐ-UBND bãi bỏ một phần Quyết định số 494/2007/QĐ-UBND.</p>	19/6/2014

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 7**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134/QĐ-UBND

Quận 7, ngày 18 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận, tại tờ trình số 926/TTr-NV ngày 15 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 05/5/2008 của Ủy ban nhân dân quận 7 về ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương tại quận 7.

Lý do căn cứ pháp lý không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Cán bộ, công chức ngày 28 tháng 4 năm 2000;

Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 hết hiệu lực được thay thế bằng Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Tư pháp quận, Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Trọng Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11862/QĐ-UBND

*Bình Tân, ngày 18 tháng 9 năm 2014***QUYẾT ĐỊNH****Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 02/2012/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận ban hành Quy chế về kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận Bình Tân;

Xét đề nghị của Phòng Tư pháp quận tại Tờ trình số 207/TTr-TP ngày 16 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Quận Bình Tân. Lý do bãi bỏ: vì không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn quận Bình Tân được tiếp tục thực hiện theo các quy định của Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thực hiện cơ chế một cửa liên thông nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực hộ tịch, bảo hiểm y tế và đăng ký, quản lý cư trú trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số

07/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tư pháp quận, Trưởng Công an quận, Giám đốc Bảo hiểm xã hội quận, Thủ trưởng các phòng, ban thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Chính

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng